TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÔNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 – 10 - 2019
V/v: "Không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Hồi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thường; Ông Nguyễn Hoài Nam.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19/9/2019 về việc "Không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ M, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai *(có mặt)*

2. Bị đơn: ông Nguyễn Đ, sinh năm 1969.

Địa chỉ: TDP B, thị trấn K, huyện B, tỉnh Đăk Lăk. *(Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).*

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2019, bản tự khai và tại phiên tòa các đương sự, trình bày:

- Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hai người chung sống hòa thuận đến năm 2007 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuẫn là xảy ra bạo lực gia đình, ông Đ thường xuyên uống rượu say rồi đánh đập bà A, từ năm 2007 bà A và ông Đ không còn chung sống với nhau nữa. Nay bà A xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể hòa giải nên bà A yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Đ là vợ chồng. Ông Nguyễn Đ cũng đồng ý với yêu cầu của bà A là đề nghị Tòa án không nhận là vợ chồng.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà A và ông Đ có 03 người con chung: Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/4/1992; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 28/10/1993; Nguyễn Văn T2, sinh ngày 24/10/1995.

Cả ba người con đều đã đủ 18 tuổi, có đủ sức khỏe, tự lao động được nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật về phiên toà sơ thẩm. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, việc HĐXX vẫn tiến hành xét xử là bảo đảm đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện, cung cấp đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16 Luật HNGĐ năm 2014. Không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Đ là vợ chồng. Đối với con chung đều đã đủ 18 tuổi nên đặt ra để giải quyết, về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày và xác nhận của đương sự trước phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà,

Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Đ là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại huyện B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Bông theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Đ chung sống với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1992 nhưng đến nay vẫn chưa đến Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định như sau: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…."*. Cuộc sống chung của bà A và ông Đ không có hòa thuận, xảy ra bạo lực gia đình và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2007 đến nay nên bà A yêu cầu không công nhận bà A và ông Đ là vợ chồng, ông Đ cũng đồng ý với yêu cầu của bà A. Vì vậy, HĐXX cần tuyên bố không công nhận bà A và ông Đ là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Đ có 3 người con chung là: Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/4/1992; Nguyễn Văn T1, sinh ngày 28/10/1993; Nguyễn Văn T2, sinh ngày 24/10/1995.

Cả ba người con đều đã đủ 18 tuổi, có đủ sức khỏe, tự lao động được, các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự thống nhất không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 203; Điều 220; khoản 1 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị A. Không công nhận bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Đ là vợ chồng.

[2]. *Về án phí:* bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ mà bà A đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005954 ngày 18/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Bông. Bà A đã nộp đủ.

[3]. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Bông;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Hồi